Name: ..... Class: 1.....

HƯỚNG DẪN HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH

Tuần 26 (24/01 - 28/01)

<table>
<tr><th>THỜI GIAN</th><th>NỘI DUNG</th></tr>
<tr><td>Thứ 2
(24/01)</td><td>
1. Chỉ tay và ôn tập từ vựng chủ đề "Food and Drink" qua link:
YouTube
<table>
<tr><td>
apple</td><td>
orange</td><td>
banana</td><td>
milk</td></tr>
<tr><td>
egg</td><td>
fish</td><td>
chicken</td><td>
meat</td></tr>
</table>
2. Chỉ tay và ôn tập từ vựng chủ đề "Fruits and Vegetables" qua link:
YouTube
<table>
<tr><td>
pineapple</td><td>
grapes</td><td>
pear</td><td>
lemon</td></tr>
<tr><td>
carrot</td><td>
onion</td><td>
potato</td><td>
peas</td></tr>
</table>
3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: Wordwall
</td></tr>
</table>

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (25/01)

1. Chỉ tay và luyện đọc các từ vựng **số ít** và **số nhiều**:

Singular	Plural
a pineapple 	pineapples 
a lemon 	lemons 
a potato 	potatoes 
a tomato 	tomatoes 
an apple 	apples 
an orange 	oranges 
an egg 	eggs 

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

  1. I **like** tomatoes.	  2. I **don't like** lemons.

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: Baamboozle

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4 (26/01)

1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Food**" qua link:

YouTube

			
bread	**rice**	**beans**	**pasta**
			
lime	**cookies**	**yogurt**	**soup**

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

	
 1. I **like** bread.	 2. I **don't like** beans.

3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: Wordwall

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (27/01)	1. Ôn tập từ vựng chủ đề "**Food and drink**" qua link bài hát: YouTube 2. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Food**" qua link: YouTube

 **bread**	 **rice**	 **beans**	 **pasta**
 **lime**	 **cookies**	 **yogurt**	 **soup**

3. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. Do you like **cookies**?  - Yes, I do.	 2. Do you like **soup**?  - No, I don't.

4. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: QUIZIZZ

Thứ 6 (28/01)	NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN

LIVEWORKSHEETS